BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay trước	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	***01***		***12.348.754.134***	***13.716.311.301***
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12.566.162.849	8.613.142.452
- Các khoản dự phòng	03		(234.000.000)	4.542.470.722
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	30.842.384
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.267.252.517)	(459.130.431)
- Chi phí lãi vay	06		4.518.722.730	4.611.388.277
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***27.932.387.196***	***31.055.024.705***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.422.629.067	(14.249.594.736)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.061.457.425	(13.473.370.957)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7.221.433.219)	14.022.255.024
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.606.349.710)	(1.284.658.590)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.518.722.730)	(4.611.388.277)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.174.479.937)	(1.931.762.428)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	830.000.578
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(626.358.085)	(1.489.468.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***26.269.130.007***	***8.867.036.719***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.480.485.498)	(50.911.588.830)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(44.000.000.000)	
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.000.000.000	31.000.000.000
- Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(142.350.500)	
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.267.252.517	1.524.882.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(52.355.583.481)***	***(18.386.706.801)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		51.112.502.500	-
- Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(2.425.234.557)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		36.542.237.585	71.218.164.409
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(55.329.576.721)	(42.946.775.333)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(680.069.000)	(4.528.638.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***31.645.094.364***	***21.317.516.519***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**5.558.640.890**	**11.797.846.437**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**20.061.870.307**	**8.264.023.870**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		418.233.054	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	***70***	**V.1**	**26.038.744.251**	**20.061.870.307**

Thành phố Đà Lạt, ngày 20 tháng 02 năm 2010

VÕ XUÂN SƠN	**PHẠM THỊ MỸ DUNG**	**NGUYỄN ĐÌNH TUẤN**
Quyền Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**